

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34A/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 29 - 8 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đồng Huy Hào và bà Lê Thị Dệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Hồng D, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. **Bị đơn:** Anh Lê Trọng C, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Hồng D trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Lê Trọng C về chung sống với nhau tự nguyện vào năm 2008. Đến năm 2010 anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống anh chị đã xây ra nhiều bất đồng mâu thuẫn và đã ly hôn vào tháng 11/2011. Sau thời gian ly hôn anh chị tìm

hiếu và lại hàn gắn tình cảm với nhau, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2019 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị ở với nhau được một tháng, sau đó anh C đi xuất khẩu lao động và vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Khoảng cách địa lý xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị và anh C sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Trọng C.

- *Về con chung*: Chị D và anh C có 01 con chung là Trần Diệu L, sinh ngày 18/3/2008. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đồng.

- *Về tài sản chung*: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vi lý do sức khỏe và công việc bận nên chị không tham gia phiên tòa được, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

* *Về phía anh Lê Trọng C*: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Anh C biết việc chị D làm đơn ly hôn anh và biết việc Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh thông qua gia đình, nhưng trong thời hạn 15 ngày anh C không gửi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị D và không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình bà Nguyễn Thị T tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (bà T là mẹ đẻ anh Lê Trọng C), bà T cho biết: Anh Lê Trọng C và chị Trần Hồng D đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh C hiện nay đi làm trong miền N, gia đình bà không biết rõ địa chỉ hiện nay anh C ở đâu mà chủ yếu liên lạc với nhau qua điện thoại. Về hôn nhân giữa chị D và anh C: anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010. Sau khi kết hôn, anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly hôn vào năm 2011. Năm 2019 anh chị lại quay về chung sống cùng nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị chung sống với nhau được khoảng một tháng thì anh C đi xuất khẩu lao động từ tháng 10/2019, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Đầu năm 2024 anh C về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Chị D làm đơn xin ly hôn anh C, về phía anh C đồng ý ly hôn với chị D vì vợ chồng tình cảm không còn, thời gian sống ly thân đã lâu.

- *Về con chung*: Anh C và chị D có 01 con chung là Trần Diệu L, sinh ngày 18/3/2008. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đồng.

- *Về tài sản chung*: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm*:

+ Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D đã thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; anh C không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

+ Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/9/2019. Trong thời gian sống chung, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị D và anh C đều thống nhất ly hôn, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị D được ly hôn anh C.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Diệu L, sinh ngày 18/3/2008. Đề nghị HĐXX giao cháu L cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng và anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đồng

- *Về tài sản chung*: Chị D và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị D chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, anh C chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Trọng C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu anh C đến Tòa án làm việc nhưng anh C không đến và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án ly hôn giữa chị D và anh C thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh C, vì vậy, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị D và anh C theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Hồng D và anh Lê Trọng C:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Hồng D và anh Lê Trọng C dựa trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/9/2019; vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng mâu thuẫn trong cuộc sống. Tháng 10 năm 2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không liên lạc, không quan tâm đến nhau trong thời gian dài. Chị D và anh C đều xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng nên đề nghị xin được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn gia đình đã đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Chị D và anh C sống ly thân đã lâu, tình cảm dành cho nhau không còn. Chị D xin ly hôn, anh C đồng ý ly hôn chị D là phù hợp với tình trạng mâu thuẫn gia đình, phù hợp với quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn anh C.

[3] Về con chung: Chị D và anh C có 01 con chung là Trần Diệu L, sinh ngày 18/3/2008. Sau khi chị D và anh C sống ly thân, con do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng xin được nuôi con của chị D là chính đáng, anh C tự nguyện giao con cho chị D nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với tình hình thực tế và nguyện vọng của con muốn được ở với chị D sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy cần giao con cho chị D chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đồng.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D khởi kiện vụ án nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Hồng D được ly hôn anh Lê Trọng C.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Diệu L, sinh ngày 18/3/2008 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), kể từ tháng 9 năm 2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền đề nghị Tòa án giải quyết việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003017 ngày 08/5/2024. Chấp nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí. Anh C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị D và anh C. Chị D và anh C có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Trường Minh, Nông Cống;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh